



CÔNG TY CỔ PHẦN SỨ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8-21

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Chức vụ
Ông Nguyễn Khắc Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Cường	Thành viên
Ông Vũ Ngọc Sơn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thanh Hà	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Thanh Hà – Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc
Yên Bái, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Số: 075 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 03 năm 2019, từ trang 04 đến trang 21, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)


Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán độc lập số 031202/2018/BCKT-IFC ngày 12/03/2018 chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2019


Nguyễn Phương Lan
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0917-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		73.485.114.144	86.302.706.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.537.565.238	1.299.422.749
1. Tiền	111		2.037.565.238	1.299.422.749
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.500.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	21.000.000.000	51.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21.000.000.000	51.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.289.735.212	18.535.388.910
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	18.736.446.403	12.570.274.489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.536.571.605	4.034.664.840
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.016.717.204	1.930.449.581
IV. Hàng tồn kho	140	9	25.638.271.197	15.466.321.875
1. Hàng tồn kho	141		25.638.271.197	15.653.820.780
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(187.498.905)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.542.497	1.572.826
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	17.966.671	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	1.575.826	1.572.826
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.517.865.023	19.426.929.897
I. Tài sản cố định	220		24.582.867.754	17.304.834.684
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	24.582.867.754	13.989.834.684
- Nguyên giá	222		98.534.876.078	85.762.811.728
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.952.008.324)	(71.772.977.044)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	-	3.315.000.000
- Nguyên giá	228		85.090.910	3.400.090.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(85.090.910)	(85.090.910)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		345.019.960	359.228.030
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		345.019.960	359.228.030
III. Tài sản dài hạn khác	260		6.589.977.309	1.762.867.183
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	6.589.977.309	1.762.867.183
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		105.002.979.167	105.729.636.257

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		15.433.344.250	13.190.559.431
I. Nợ ngắn hạn	310		15.433.344.250	13.190.559.431
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	2.946.326.549	2.393.533.451
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		157.863.746	197.915.144
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.398.782.590	1.490.504.809
4. Phải trả người lao động	314		4.007.148.967	4.243.457.843
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	269.500.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.334.292.851	1.594.285.416
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.588.929.547	3.001.362.768
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.569.634.917	92.539.076.826
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	89.569.634.917	92.539.076.826
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		65.279.560.000	54.399.990.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		65.279.560.000	54.399.990.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.270.507.292	6.461.382.292
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.019.567.625	31.677.704.534
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		432.513.534	4.706.879.176
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.587.054.091	26.970.825.358
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		105.002.979.167	105.729.636.257



Vũ Nguyên Bình
Người lập
Yên Bái, ngày 11 tháng 03 năm 2019



Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		84.201.298.023	103.935.614.199
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		110.511.510	145.746.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 - 01 - 02)	10	18	84.090.786.513	103.789.868.199
4. Giá vốn hàng bán	11	19	47.856.522.170	50.822.859.066
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 - 10 - 11)	20		36.234.264.343	52.967.009.133
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	2.631.312.240	3.153.532.858
7. Chi phí tài chính	22		81.668.513	262.308.943
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.095.890	-
8. Chi phí bán hàng	25	22	8.705.508.531	12.072.694.284
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	10.374.646.762	10.773.634.238
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 - 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		19.703.752.777	33.011.904.526
11. Thu nhập khác	31		1.359.990.307	736.095.992
12. Chi phí khác	32		321.809.527	26.575.058
13. Lợi nhuận khác (40 - 31 - 32)	40		1.038.180.780	709.520.934
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 - 30 + 40)	50		20.741.933.557	33.721.425.460
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	4.154.879.466	6.750.600.102
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 - 50 - 51)	60		16.587.054.091	26.970.825.358
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.413	4.363

Vũ Nguyên Bình
Người lập
Yên Bái, ngày 11 tháng 03 năm 2019

Vũ Nguyên Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	86.284.728.532	111.136.154.219
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(52.690.503.589)	(53.696.338.947)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(25.720.090.400)	(24.383.977.579)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(21.095.890)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(3.230.600.104)	(10.773.510.622)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.533.115.315	2.010.009.032
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.031.708.732)	(14.620.979.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(4.876.154.868)	9.671.356.297
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(11.722.814.207)	(12.163.615.620)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.900.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(28.000.000.000)	(80.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	58.000.000.000	72.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.256.222.408	1.644.954.734
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.433.408.201	(18.518.660.886)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	9.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(9.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.321.536.000)	(3.398.461.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(16.321.536.000)	(3.398.461.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	3.235.717.333	(12.245.765.589)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.299.422.749	13.539.458.444
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.425.156	5.729.894
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4.537.565.238	1.299.422.749



Vũ Nguyễn Bình
Người lập
Yên Bái, ngày 11 tháng 03 năm 2019



Vũ Nguyễn Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là doanh nghiệp nhà nước được cổ phần hóa theo quyết định số 387/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân Yên Bái. Hiện tại công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200216710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 06 năm 2018 (cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2004).

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 21 tháng 06 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 65.279.560.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2018 là 205 người (tại ngày 31/12/2017 là 226 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
- Sản xuất sứ, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, sản xuất gốm sứ kỹ thuật;
- Bán buôn vật liệu chịu lửa, gốm sứ kỹ thuật, thủy tinh cách điện, polymer và phụ kiện đồng bộ;
- Bán buôn máy móc thiết bị điện, vật liệu điện cho đường dây và trạm;
- Bán lẻ vật liệu chịu lửa, gốm sứ kỹ thuật, thủy tinh cách điện, polymer và các phụ kiện đồng bộ, bán lẻ thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Sản xuất thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- Chế biến cao lanh, thạch anh và fenspat;
- Khai thác cao lanh, thạch anh, fenspat; và
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh gốm sứ kỹ thuật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có hoạt động đặc biệt nào của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017. Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;

b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;

c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a, b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan khác đến việc mua; chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Công ty thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị quản lý được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng ước tính. Thời gian khấu hao hàng năm như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	59.941.268	63.682.010
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.977.623.970	1.235.740.739
Các khoản tương đương tiền (i)	2.500.000.000	-
Cộng	4.537.565.238	1.299.422.749

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái với tên chủ tài khoản là ông Nguyễn Thanh Hà - Tổng Giám đốc.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>				
Ngắn hạn	21.000.000.000	21.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	21.000.000.000	21.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	21.000.000.000	21.000.000.000	51.000.000.000	51.000.000.000

Ghi chú:

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại Quỹ tín dụng nhân dân Hồng Hà trong đó tổng số dư 5 tỷ đồng với tên chủ tài khoản là ông Nguyễn Thanh Hà - Tổng Giám đốc và các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>18.736.446.403</i>	<i>12.570.274.489</i>
Công ty TNHH Sử Hoàng Liên Sơn Hà Nội	5.951.269.896	3.147.047.478
Công ty TNHH MTV Sử Hoàng Liên Sơn Đà Nẵng	4.207.740.114	1.695.159.449
Công ty CP Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	646.309.950	2.416.790.574
Công ty TNHH Cao Linh	2.194.722.067	2.073.356.100
Các đối tượng khác	5.736.404.376	3.237.920.888
Cộng	18.736.446.403	12.570.274.489
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	646.309.950	2.416.790.574
Công ty CP Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	646.309.950	2.416.790.574

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>2.536.571.605</i>	<i>4.034.664.840</i>
Công ty TNHH ASICO Handels	-	3.153.025.080
Công ty TNHH Shenzhen Norico Industries	-	651.823.200
Công ty TNHH Hải Linh	2.090.273.749	-
Công ty CP Xây lắp và Thương mại Đông Nam	256.447.856	-
Các đối tượng khác	189.850.000	229.816.560
Cộng	2.536.571.605	4.034.664.840

8. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>1.016.717.204</i>	<i>1.930.449.581</i>
Tạm ứng	93.056.652	152.584.652
Các khoản khác	923.660.552	1.777.864.929
- <i>Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn</i>	<i>923.463.352</i>	<i>1.667.528.046</i>
- <i>Các đối tượng khác</i>	<i>197.200</i>	<i>110.336.883</i>
Cộng	1.016.717.204	1.930.449.581

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.832.551.849	-	5.339.511.914	-
Công cụ, dụng cụ	3.881.805.787	-	4.209.407.033	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.332.601.200	-	848.503.800	-
Thành phẩm	7.481.043.390	-	4.377.148.560	(161.603.815)
Hàng hóa	1.053.175.998	-	813.126.368	(25.895.090)
Hàng gửi bán	57.092.973	-	66.123.105	-
Cộng	25.638.271.197	-	15.653.820.780	(187.498.905)

Trong năm Công ty đã hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho số tiền 16.744.423 đồng và xử lý tiêu hủy các mã hàng tồn kho theo Biên bản xử lý hàng tồn kho lâu năm đã trích lập dự phòng năm 2017 số tiền 170.754.482 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	17.966.671	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng phân bổ dưới 12 tháng	17.966.671	-
Dài hạn	6.589.977.309	1.762.867.183
Công cụ, dụng cụ xuất dùng phân bổ trên 12 tháng (*)	6.589.977.309	1.762.867.183
Cộng	6.607.943.980	1.762.867.183

(*) Công cụ dụng cụ xuất dùng trong năm 2018 liên quan đến việc vận hành lò nung số 3, sử dụng nhiên liệu, được phân bổ trong vòng từ 2 đến 3 năm.

11. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	10.287.553.636	73.279.617.449	1.326.331.819	869.308.824	85.762.811.728
- Mua trong năm	-	2.994.248.468	484.000.000	-	3.478.248.468
- XDCB hoàn thành	126.638.000	10.129.450.892	-	-	10.256.088.892
- Thanh lý, nhượng bán	-	(962.273.010)	-	-	(962.273.010)
Số dư cuối năm	10.414.191.636	85.441.043.799	1.810.331.819	869.308.824	98.534.876.078
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	8.237.236.973	62.345.736.944	379.215.504	810.787.623	71.772.977.044
- Khấu hao trong năm	394.853.811	2.465.240.820	253.276.323	27.933.336	3.141.304.290
- Thanh lý, nhượng bán	-	(962.273.010)	-	-	(962.273.010)
Số dư cuối năm	8.632.090.784	63.848.704.754	632.491.827	838.720.959	73.952.008.324
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	2.050.316.663	10.933.880.505	947.116.315	58.521.201	13.989.834.684
Số dư cuối năm	1.782.100.852	21.592.339.045	1.177.839.992	30.587.865	24.582.867.754

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 63.205.077.071 đồng (tại ngày 01/01/2018 là 63.359.696.413 đồng).

12. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	3.315.000.000	85.090.910	3.400.090.910
- Thanh lý, nhượng bán	(3.315.000.000)	-	(3.315.000.000)
Số dư cuối năm	-	85.090.910	85.090.910
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	85.090.910	85.090.910
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	85.090.910	85.090.910
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	3.315.000.000	-	3.315.000.000
Số dư cuối năm	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2018 là 85.090.910 đồng (tại ngày 01/01/2018 là 85.090.910 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.946.326.549	2.946.326.549	2.393.533.451	2.393.533.451
Công ty TNHH SX và TM Hàng cơ khí Bách Việt	268.888.000	268.888.000	649.768.000	649.768.000
Công ty TNHH XD và Dịch vụ TM Ngọc Hiếu	434.088.791	434.088.791	74.590.780	74.590.780
Công ty TNHH Tự Đức	347.958.400	347.958.400	-	-
Công ty TNHH Cơ khí và TM Trường Sơn	415.051.000	415.051.000	224.982.000	224.982.000
Công ty CP Phú Lâm	208.019.301	208.019.301	221.354.705	221.354.705
Bà Nguyễn Mai Anh	524.212.570	524.212.570	606.933.000	606.933.000
Các đối tượng khác	748.108.487	748.108.487	615.904.966	615.904.966
Cộng	2.946.326.549	2.946.326.549	2.393.533.451	2.393.533.451
Phải trả người bán là các bên liên quan	434.088.791	434.088.791	74.590.780	74.590.780
Công ty TNHH XD và Dịch vụ TM Ngọc Hiếu	434.088.791	434.088.791	74.590.780	74.590.780

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	359.904.672	3.827.783.527	3.843.785.108	343.903.091
Thuế xuất, nhập khẩu	-	567.649.748	567.649.748	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.130.600.137	4.154.879.466	3.230.600.104	2.054.879.499
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	172.643.542	172.643.542	-
Các loại thuế khác	-	14.949.147	14.949.147	-
Cộng	1.490.504.809	8.737.905.430	7.829.627.649	2.398.782.590
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	407.426	-	-	410.426
Các loại thuế khác	1.165.400	-	-	1.165.400
Cộng	1.572.826	-	-	1.575.826

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	1.334.292.851	1.594.285.416
Kinh phí công đoàn	5.328.517	69.608.282
Bảo hiểm xã hội	5.185.069	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.053.300	229.053.300
Các khoản phải trả khác	1.094.725.965	1.295.623.834
- Hoa hồng môi giới	301.199.100	428.509.528
- Thuế Thu nhập cá nhân	177.633.078	174.376.251
- Các khoản phải trả khác	615.893.787	692.738.055
Cộng	1.334.292.851	1.594.285.416

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	34.000.000.000	5.918.735.292	31.220.105.176	71.138.840.468
Lãi trong năm	-	-	26.970.825.358	26.970.825.358
Phân phối lợi nhuận	20.399.990.000	542.647.000	(22.751.461.000)	(1.808.824.000)
Trả cổ tức	-	-	(3.761.765.000)	(3.761.765.000)
Số dư đầu năm nay	54.399.990.000	6.461.382.292	31.677.704.534	92.539.076.826
Tăng vốn trong năm (i)	10.879.570.000	-	(10.879.570.000)	-
Lãi trong năm	-	-	16.587.054.091	16.587.054.091
Trả cổ tức (ii)	-	-	(16.319.997.000)	(16.319.997.000)
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	809.125.000	(4.045.624.000)	(3.236.499.000)
Số dư cuối kỳ	65.279.560.000	7.270.507.292	17.019.567.625	89.569.634.917

Ghi chú:

- (i) Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn chủ sở hữu tỷ lệ 10:2 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2018 và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 20/NQ-HĐQT ngày 26/04/2018. Số cổ phiếu mới phát hành được chính thức lưu hành ngày 11/06/2018.
- (ii) Phân phối lợi nhuận và trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2018, theo đó:
- Chia cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 30% vốn điều lệ: 16.319.997.000 đồng;
 - Trích quỹ đầu tư phát triển tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế năm 2017: 809.125.000 đồng;
 - Trích quỹ thương bán quản lý - điều hành tỷ lệ 2% lợi nhuận sau thuế năm 2017: 539.417.000 đồng;
 - Trích quỹ khen thưởng tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế năm 2017: 1.348.541.000 đồng;
 - Trích quỹ phúc lợi tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế năm 2017: 1.348.541.000 đồng.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.527.956	5.439.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	6.527.956	5.439.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	6.527.956	5.439.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/ CP)	10.000	10.000

17. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	65.216,77	10.788,64
- EUR	95,95	97,12

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. DOANH THU THUẦN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng		
- Doanh thu bán sản phẩm	81.400.176.523	103.935.614.199
- Doanh thu bán hàng hóa	2.801.121.500	-
	84.201.298.023	103.935.614.199
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán trả lại	110.511.510	22.086.000
- Chiết khấu thương mại	-	123.660.000
Doanh thu thuần về bán hàng	84.090.786.513	103.789.868.199
Trong đó doanh thu với các bên liên quan	6.777.575.790	10.060.408.302
Công ty CP Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn	6.777.575.790	10.060.408.302

19. GIÁ VỐN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	45.297.033.145	50.822.859.066
Giá vốn hàng hóa đã bán	2.559.489.025	-
Cộng	47.856.522.170	50.822.859.066

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	25.468.974.183	24.837.266.829
Chi phí nhân công	27.073.967.671	29.175.911.940
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.141.304.290	3.787.576.093
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.392.950.131	13.477.320.648
Chi phí khác bằng tiền	2.913.370.006	3.442.533.179
Cộng	68.990.566.281	74.720.608.689

21. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.405.590.510	3.147.041.669
Lãi chênh lệch tỷ giá	225.721.730	6.491.189
Cộng	2.631.312.240	3.153.532.858

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	1.189.949.349	1.503.419.492
Chi phí nhân viên	2.495.977.057	2.938.430.593
Chi phí thuê văn phòng, thuê kho	348.866.734	523.826.732
Chi phí khấu hao TSCĐ	30.003.564	20.208.875
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.445.304.273	5.740.697.066
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.195.407.554	1.346.111.526
Cộng	8.705.508.531	12.072.694.284

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên vật, vật liệu	325.914.293	302.041.614
Chi phí nhân viên	7.674.571.762	7.772.362.018
Chi phí sửa chữa văn phòng	282.535.939	31.667.034
Chi phí khấu hao TSCĐ	275.160.619	194.913.327
Thuế, phí và lệ phí	430.167.059	406.373.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	730.959.052	739.787.019
Các khoản chi phí QLDN khác	655.338.038	1.326.489.876
Cộng	10.374.646.762	10.773.634.238

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	20.741.933.557	33.721.425.460
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	32.463.778	31.575.050
<i>Cộng: các chi phí không được trừ</i>	<i>32.463.778</i>	<i>31.575.050</i>
Thu nhập chịu thuế	20.774.397.335	33.753.000.510
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.154.879.466	6.750.600.102

Trong năm 2018, Công ty xác định thu nhập chịu thuế không có sự khác biệt với lợi nhuận trước thuế. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.587.054.091	26.970.825.358
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (i)	(1.990.446.491)	(3.236.499.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14.596.607.600	23.734.326.358
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	6.048.063	5.439.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.413	4.363

Ghi chú:

- (i) Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu cổ đông là số lợi nhuận để trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty chưa có kế hoạch trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018, theo đó số điều chỉnh lợi nhuận năm nay được ước tính dựa trên tỷ lệ phân phối lợi nhuận theo điều lệ của Công ty.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(4.537.565.238)	(1.299.422.749)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	89.569.634.917	92.539.076.826
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,0%	0,0 %

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.537.565.238	1.299.422.749
Phái thu khách hàng và phái thu khác	19.753.163.607	14.500.724.070
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	45.290.728.845	66.800.146.819
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.280.619.400	3.987.818.867
Chi phí phải trả	-	269.500.000
Cộng	4.280.619.400	4.257.318.867

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu [các cổ đông] cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Số cuối năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.537.565.238	4.537.565.238
Phải thu khách hàng và phải thu khác	19.753.163.607	19.753.163.607
Đầu tư tài chính ngắn hạn	21.000.000.000	21.000.000.000
Cộng	<u>45.290.728.845</u>	<u>45.290.728.845</u>
Số cuối năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	4.280.619.400	4.280.619.400
Cộng	<u>4.280.619.400</u>	<u>4.280.619.400</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>41.010.109.445</u>	<u>41.010.109.445</u>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND
Số đầu năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.299.422.749	1.299.422.749
Phải thu khách hàng và phải thu khác	14.500.724.070	14.500.724.070
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.000.000.000	51.000.000.000
Cộng	<u>66.800.146.819</u>	<u>66.800.146.819</u>
Số đầu năm		
Phải trả người bán và phải trả khác	3.987.818.867	3.987.818.867
Chi phí phải trả	269.500.000	269.500.000
Cộng	<u>4.257.318.867</u>	<u>4.257.318.867</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>62.542.827.952</u>	<u>62.542.827.952</u>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm

Bên liên quan

Công ty CP Sử kỹ thuật Hoàng Liên Sơn Sài Gòn
Công ty TNHH XD và Dịch vụ TM Ngọc Hiếu
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị
và các cá nhân có liên quan

Mối quan hệ

Công ty có lãnh đạo là bên liên quan
Công ty có lãnh đạo là bên liên quan
Lãnh đạo chủ chốt

Ngoài số dư và giao dịch đã trình bày tại mục số 06, số 13 và số 18 phần thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty còn giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Mua hàng hóa, tài sản		
Công ty TNHH XD và Dịch vụ TM Ngọc Hiếu	9.698.484.381	2.874.888.134
Thanh lý tài sản		
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	3.900.000.000	-
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc		
Lương Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	3.283.950.400	3.553.290.000



Vũ Nguyễn Bình
Người lập

Yên Bái, ngày 11 tháng 03 năm 2019



Vũ Nguyễn Bình
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Hà
Tổng Giám đốc